

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-LAI CHÂU

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 132/2026/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 03 năm 2026, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Họ và tên: anh Giàng A K, sinh năm 1990

Địa chỉ: bản N, xã P, tỉnh Lai Châu.

2. Họ và tên: Chị Lý Thị K1, sinh năm 1993

Địa chỉ: bản N, xã P, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 03 năm 2026 người yêu cầu anh Giàng A K và chị Lý Thị K1 thỏa thuận như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A K và chị Lý Thị K1 kết hôn với nhau vào ngày 06/03/2014, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu (nay là UBND xã P, tỉnh Lai Châu) trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ, chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến tháng 12 năm 2025 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn với nhau do tính cách vợ, chồng thay đổi bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng

nói chung trong gia đình nên cuộc sống không hạnh phúc mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù đã được 02 bên gia đình hòa giải động viên nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Cuộc sống hôn nhân của anh K và chị K1 lâm vào tình trạng trầm trọng, sống với nhau không hạnh phúc. Hiện tại mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ càng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên anh K và chị K1 thống nhất với nhau thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Sau khi thụ lý vụ việc, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để hai bên đương sự trở về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng không thành. Điều đó, chứng tỏ rằng anh K và chị K1 chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Giàng A K và chị Lý Thị K1.

[2]. Về nuôi con chung: Anh Giàng A K và chị Lý Thị K1 con 03 con chung là cháu Giàng A D, sinh ngày 04/4/2016; cháu Giàng Thị L, sinh ngày 01/12/2011 và cháu Giàng Mỹ N, sinh ngày 03/02/2022. Anh K và chị K1 thỏa thuận, thống nhất: Sau khi ly hôn, anh K là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là Giàng A D, sinh ngày 04/4/2016; cháu Giàng Thị L, sinh ngày 01/12/2011 cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi và chị Lý Thị K1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu Giàng Mỹ N, sinh ngày 03/02/2022 cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán đã tiến hành lấy ý kiến của con chung chưa thành niên đủ bảy tuổi trở lên đối với các cháu Giàng A D và cháu Giàng Thị L, xem xét nguyện vọng của cháu 02 cháu đều có nguyện vọng được sống cùng với bố là anh Giàng A K. Xét thấy, nguyện vọng của các con chung đồng nhất với sự thỏa thuận của anh Giàng A K và chị Lý Thị K1. Thỏa thuận của chị K1 và anh K là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân & gia đình, cần phải chấp nhận.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Giàng A K và chị Lý Thị K1 tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, khoản nợ chung: Anh anh Giàng A K và chị Lý Thị K1 không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: anh Giàng A K và chị Lý Thị K1 thỏa thuận, thống nhất chị Lý Thị K1 là người chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Thỏa thuận giữa anh anh Giàng A K và chị Lý Thị K1 phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A K và chị Lý Thị K1 thuận tình ly hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 16, quyền số 01, đăng ký ngày 06/03/2022 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu (nay là UBND xã P, tỉnh Lai Châu).

- Về nuôi con chung: Giao hai con chung là cháu Giàng A D, sinh ngày 04/4/2016; cháu Giàng Thị L, sinh ngày 01/12/2011 cho anh Giàng A K là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi và giao cháu Giàng Mỹ N, sinh ngày 03/02/2022 cho chị Lý Thị K1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi.

Các bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Giàng A K và chị Lý Thị K1 không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, khoản nợ chung: Anh anh Giàng A K và chị Lý Thị K1 không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Giàng A K và chị Lý Thị K1 thỏa thuận thống nhất, chị Lý Thị K1 là người chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Do đó, chị Lý Thị K1 phải chịu 300.000 đồng lệ phí Hôn nhân & gia đình, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí chị Lý Thị K1 đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0000076; ký hiệu: BLTU/26E, ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- Đương sự;
- VKSND KV3-Lai Châu;
- UBND xã Pa Tần, tỉnh Lai Châu;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;
- Phòng THADS KV3-Lai Châu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Mạnh Trang